

THÔNG TƯ số 46/2004/TT-BTC
ngày 27/5/2004 hướng dẫn cơ
chế quản lý tài chính Dự án
Đa dạng hóa thu nhập nông
thôn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Hiệp định vay vốn số 578/VN giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD) ký ngày 18/02/2002 cho dự án “Đa dạng hóa thu nhập nông thôn (RIDP) tỉnh Tuyên Quang”;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và Sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý Đầu tư và Xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 bổ sung một số điều của Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 và Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000;

Căn cứ Công văn số 1073/CP-QHQT ngày 13/11/2001 của Chính phủ thông báo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 49/2001/TT-BTC ngày 26/6/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn quản lý,

Sau khi thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính cho Dự án “Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang” như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

I.1. Đối tượng áp dụng

Thông tư này được áp dụng đối với các hợp phần của Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang được ngân sách nhà nước cấp phát kinh phí.

I.2. Giải thích từ ngữ

Các khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong Thông tư này có cùng ý nghĩa như trong Hiệp định vay vốn và được hiểu như sau:

1. *Dự án*: là Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

2. *Hiệp định*: là Hiệp định vay vốn cho Dự án ký giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế ngày 18/02/2002.

3. *IFAD*: là Quỹ Phát triển nông nghiệp Quốc tế - nhà tài trợ nước ngoài cho dự án.

4. *SIDA*: là Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Điển, nhà đồng tài trợ nước ngoài cho dự án.

5. *UNOPS*: là Văn phòng Dịch vụ Dự án của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc: cơ quan thay mặt IFAD thực hiện việc giải ngân cho Dự án.

6. *Chủ Dự án*: là Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Để triển khai dự án và phối hợp hoạt động trong Dự án, chủ dự án thành lập Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, Ban Phối hợp thực thi dự án huyện, và các Ban Phát triển xã.

7. *Ban Phối hợp thực thi Dự án Tỉnh*: là đơn vị được thành lập theo quyết định của chủ dự án, có trách nhiệm thực hiện công việc thực thi hàng ngày của dự án và quản lý vốn vay.

8. *Ban Phối hợp thực thi Dự án Huyện* là đơn vị được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện thực thi dự án; có trách nhiệm quyền hạn quy định trong quyết định thành lập.

9. *Ban Phát triển xã* là các đơn vị được

thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân xã thực thi dự án; có trách nhiệm quyền hạn quy định trong quyết định thành lập.

10. *Các đơn vị thực thi dự án*: là các đơn vị tuyến tỉnh và huyện của các cơ quan nhà nước sẽ trực tiếp tổ chức thực hiện các hợp phần và tiểu hợp phần của Dự án.

11. *Ngân hàng Phục vụ Dự án*: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.

12. *Tiểu dự án*: Bao gồm các hoạt động xây dựng, mua sắm quy mô nhỏ tại các thôn bản; do người dân kiến nghị nhằm cải thiện cơ sở vật chất cấp bách, nâng cao đời sống kinh tế xã hội, điều kiện sản xuất cho hộ gia đình nghèo nhất trong thôn bản.

I.3. Nguyên tắc quản lý

1. Dự án được tài trợ bằng các nguồn vốn sau: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ ngân sách tỉnh Tuyên Quang từ nguồn vốn Chính phủ vay IFAD và vốn viện trợ không hoàn lại của SIDA, vốn đối ứng từ nguồn ngân sách tỉnh Tuyên Quang, và vốn đóng góp của người hưởng lợi.

2. Khoản vay từ IFAD và khoản vốn SIDA viện trợ để tài trợ cho dự án được Chính phủ quản lý theo những điều khoản được quy định tại các Hiệp định vay và Hiệp định viện trợ, và phù hợp với những quy định hiện hành của Chính phủ.

3. Toàn bộ vốn vay IFAD và vốn viện trợ của SIDA để đầu tư cho dự án là nguồn vốn của ngân sách nhà nước, phải được phản ánh đầy đủ vào ngân sách nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm quản lý các nguồn vốn đầu tư cho Dự án có hiệu quả, đúng mục đích, phù hợp với các quy định tại Hiệp định và các quy định hiện hành của Chính phủ.

5. Dự án mở tài khoản tại hệ thống Kho bạc Nhà nước để giao dịch. Hệ thống Kho bạc Nhà nước nơi Dự án mở tài khoản thực hiện công tác kiểm soát chi trực tiếp đối với Dự án thông qua kiểm tra, xác nhận khối lượng thực hiện, chuyển vốn tạm ứng và thanh toán trực tiếp cho các hoạt động đủ điều kiện của Dự án, theo quy định hiện hành.

6. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh chịu trách nhiệm về quản lý toàn bộ vốn vay IFAD, vốn viện trợ của SIDA, và vốn đối ứng ngân sách tỉnh Tuyên Quang, đảm bảo tài trợ đúng mục tiêu cho các hoạt động của dự án, phù hợp với các quy định quản lý tài chính hiện hành.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

II.1. Các tài khoản thuộc dự án

1. Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) mở một Tài khoản Đặc biệt bằng

Đôla Mỹ (USD) tại Ngân hàng Phục vụ Dự án để tiếp nhận vốn do IFAD giải ngân.

2. Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang mở một tài khoản nguồn vốn cấp 1 bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) cho dự án, chi tiết đến các tiểu khoản để tiếp nhận vốn IFAD do Bộ Tài chính chuyển về và vốn đối ứng ngân sách tỉnh cấp cho Dự án.

3. Các Ban Phát triển xã mở tài khoản nguồn vốn cấp 2 bằng VNĐ tại Kho bạc nhà nước huyện để tiếp nhận vốn IFAD do Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh chuyển về. Tài khoản của Ban Phát triển xã tại Kho bạc nhà nước huyện gồm 2 tiểu khoản: một tiểu khoản cho các hoạt động thuộc Quỹ cải thiện đời sống phụ nữ, và một tiểu khoản cho các hoạt động khác.

4. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, các Ban Phối hợp thực thi dự án huyện và Ban Phát triển xã mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh và huyện để thực hiện các giao dịch thanh toán.

II.2. Lập kế hoạch tài chính cho dự án

1. Hàng năm Ban Phát triển xã lập kế hoạch công tác và ngân sách gửi Ban Phối hợp thực thi dự án huyện theo đúng trình tự lập, trình, và xét duyệt dự toán ngân sách nhà nước. Kế hoạch này được xây dựng chi tiết theo quý, nguồn vốn, và hoạt động, căn cứ vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã, các hoạt động ưu tiên do thôn bản xác định, định

mức chi tiêu và phù hợp với các văn kiện liên quan của dự án.

2. Ban Phối hợp thực thi dự án huyện xem xét, tổng hợp Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tuyến xã thành Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tuyến huyện, gửi Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh. Kế hoạch công tác và ngân sách năm này được xây dựng chi tiết theo quý, theo nguồn vốn, hoạt động, phù hợp với hệ thống định mức áp dụng và văn kiện liên quan của Dự án.

3. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh xem xét, tổng hợp toàn bộ Kế hoạch công tác và ngân sách năm của tỉnh, trình Ban Chỉ đạo dự án tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, và UNOPS vào tháng 9 hàng năm, để các cơ quan này xem xét, có ý kiến.

4. Sau khi nhận được ý kiến các cơ quan trên, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp vào dự toán ngân sách năm của tỉnh.

5. Việc lập, bảo vệ, phê duyệt và thông báo dự toán ngân sách tỉnh theo trình tự thủ tục lập dự toán ngân sách hàng năm.

6. Kế hoạch công tác và ngân sách năm sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh, IFAD/UNOPS phê duyệt sẽ gửi cho Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước nơi cấp vốn cho dự án để theo dõi, cấp vốn cho các hoạt động của dự án.

II.3. Định mức chi tiêu

1. Đối với các định mức chi tiêu hành chính, áp dụng các định mức quy định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC ngày 09/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án có sử dụng nguồn vốn ODA vay nợ, hoặc định mức do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cho dự án phù hợp với quy định tại Quyết định số 112/2001/QĐ-BTC.

2. Đối với các định mức kinh tế, kỹ thuật, áp dụng các định mức theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp chưa có định mức, đơn giá, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để áp dụng tạm thời cho Dự án, trên cơ sở có ý kiến tham gia của Bộ Tài chính.

II.4. Rút vốn IFAD về Tài khoản đặc biệt và các tài khoản nguồn vốn của dự án

1. Rút vốn IFAD về Tài khoản đặc biệt:

1.1. Việc rút vốn từ IFAD về Tài khoản đặc biệt sẽ do Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) thực hiện.

1.2. Căn cứ số tiền thực tế đã chi tiêu, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh chuẩn bị hồ sơ xin rút vốn bổ sung Tài khoản đặc biệt gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại), gồm các tài liệu sau:

- Đơn xin rút vốn theo mẫu IFAD quy định

- Các chứng từ chi tiêu (hợp đồng, hóa đơn, giấy đề nghị thanh toán, sao kê chi tiêu, xác nhận khối lượng công việc của Kho bạc nhà nước nơi cấp vốn)

- Các tài liệu khác (nếu cần) để chứng minh khoản chi tiêu hợp lệ

1.3. Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ giải ngân, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) sẽ ký đơn rút vốn gửi IFAD.

2. Chuyển tiền từ Tài khoản đặc biệt về tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án:

2.1. Khi có tiền trên Tài khoản đặc biệt, căn cứ dự toán ngân sách năm của Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, theo đề nghị của Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại) làm thủ tục chuyển ngoại tệ thành VNĐ và chuyển về Tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh.

3. Chuyển tiền tạm ứng từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 xuống tài khoản nguồn vốn cấp 2 của Ban Phát triển xã tại Kho bạc nhà nước huyện (tạm ứng lần đầu và thủ tục bổ sung):

3.1. Ban Phát triển xã căn cứ kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng năm của xã được duyệt, lập kế hoạch hoạt động và ngân sách hàng quý, gửi Ban Phối hợp thực thi dự án huyện không muộn hơn ngày 15 của tháng trước quý kế hoạch.

3.2. Kế hoạch cần bao gồm các thông tin chi tiết như sau:

- Các hoạt động trong kỳ kế hoạch

- Tổng số vốn tài trợ cho từng hoạt động, chi tiết theo nguồn vốn và theo tháng

- Đơn vị thực thi (Ban Phát triển xã hay Hội phụ nữ)

- Số vốn đã thực hiện của quý trước so sánh với kế hoạch quý trước (báo cáo tổng hợp, không kèm theo chứng từ chi tiêu chi tiết, có xác nhận của Kho bạc nhà nước nơi cấp vốn)

- Số điều chỉnh sang quý sau.

3.3. Ban Phối hợp thực thi dự án huyện xem xét, tổng hợp, lập đề nghị tạm ứng về tài khoản các Ban Phát triển xã gửi Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh.

3.4. Số đề nghị tạm ứng: 100% chi phí dự kiến để thực hiện kế hoạch quý tiếp theo của các xã, đã được điều chỉnh theo số vốn còn thừa/thiếu đã ứng cho quý trước.

3.5. Công tác chuyển vốn: Nhận được kế hoạch của Ban Phối hợp thực thi dự án huyện, Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh xem xét đề nghị Kho bạc nhà nước tỉnh chuyển vốn từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 về tài khoản nguồn vốn cấp 2 của các Ban Phát triển xã tại Kho bạc nhà nước huyện. Số vốn tạm ứng lần đầu bằng 100% kế hoạch công tác và ngân sách quý được duyệt của các Ban Phát triển xã. Số vốn các lần tiếp theo được điều chỉnh theo số đã ứng của các lần trước thừa hay thiếu.

(Xem sơ đồ tại Phụ lục 1).

II.5. Thanh toán cho các hoạt động của dự án từ nguồn vốn IFAD

1. Cơ quan quản lý cấp phát vốn: hệ thống Kho bạc nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện quản lý, kiểm soát và cấp phát cho các hoạt động chi tiêu của dự án.

2. Hồ sơ quản lý cấp phát vốn: để thanh toán/ tạm ứng cho các hoạt động của dự án, các đơn vị thực thi dự án các cấp gửi đến Kho bạc nhà nước nơi quản lý, cấp phát vốn các tài liệu sau:

2.1. Hồ sơ gửi lần đầu: Hiệp định vay vốn; báo cáo nghiên cứu khả thi kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, hoặc báo cáo đầu tư; quyết định chỉ định thầu (nếu thực hiện hình thức chỉ định thầu); quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, hợp đồng kinh tế, quyết định phê duyệt hợp đồng kinh tế của cấp có thẩm quyền (nếu có theo quy định hiện hành); quyết định phê duyệt tổng dự toán hoặc dự toán; dự toán các hạng mục chi tiêu được duyệt; quyết định phê duyệt thiết kế (nếu có theo quy định hiện hành).

2.2. Hồ sơ gửi từng lần thanh toán, tạm ứng:

- Tạm ứng: giấy đề nghị tạm ứng; giấy rút vốn đầu tư; bảo lãnh tạm ứng (nếu có theo quy định hiện hành); bảo lãnh thực hiện hợp đồng (nếu có theo quy định hiện hành); và các hồ sơ khác nếu cần thiết để chứng minh khoản chi tiêu hợp lệ.

- Thanh toán: biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành kèm bảng tính giá trị khối lượng được nghiệm thu; phiếu giá thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành (hoặc bảng kê thanh toán khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành); giấy rút vốn đầu tư; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (nếu có); hóa đơn chứng từ chi; và các hồ sơ khác nếu cần thiết để chứng minh khoản chi tiêu hợp lệ.

3. Tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động tại cấp tỉnh:

3.1. Các đơn vị thực thi dự án gửi giấy đề nghị tạm ứng/thanh toán và kế hoạch chi tiết sử dụng kinh phí cho Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh xem xét, phê duyệt sau đó gửi Kho bạc nhà nước tỉnh đề thanh toán hoặc tạm ứng từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án cho các hoạt động chi tiêu. Hồ sơ chứng từ bao gồm các hồ sơ được nêu tại mục 2 Phần này, tùy trường hợp tạm ứng/thanh toán và tùy nội dung tạm ứng/thanh toán.

3.2. Trong vòng 5 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước tỉnh kiểm tra hồ sơ, thực hiện thanh toán hoặc tạm ứng từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 cho các hoạt động đủ điều kiện thanh toán tại cấp tỉnh theo quy định này và các quy định quản lý vốn hiện hành của nhà nước.

(Xem sơ đồ tại Phụ lục 2).

4. Tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động tại cấp huyện:

4.1. Để tạm ứng/thanh toán, Ban Phối hợp thực thi dự án huyện gửi đề nghị tạm ứng/thanh toán và kế hoạch chi tiết sử dụng kinh phí cho Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh xem xét, đề nghị Kho bạc nhà nước tỉnh thực hiện tạm ứng/thanh toán cho Ban Phối hợp thực thi dự án huyện.

4.2. Trong vòng 5 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước tỉnh chuyển tiền từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 vào tài khoản tiền gửi của Ban Phối hợp thực thi dự án huyện (mở tại Kho bạc nhà nước huyện), hoặc trực tiếp vào tài khoản của đơn vị hưởng lợi (theo đề nghị của Ban Phối hợp thực thi dự án huyện, nếu có) để tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động tại cấp huyện.

(Xem sơ đồ tại Phụ lục 2).

5. Tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động tại cấp xã:

5.1. Tạm ứng:

5.1.1. Đối với các công trình xây dựng cơ bản: thực hiện theo Quyết định số 76/2003/UB-QĐ ngày 06/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng các công trình xây dựng thuộc Dự án Đa dạng hóa thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

5.1.2. Đối với các hoạt động khác (mua sắm thiết bị, đào tạo, cải thiện sản xuất, tài nguyên thiên nhiên...), Ban Phát triển xã tạm ứng tiền đúng theo tiến độ thanh toán nêu trong hợp đồng đã ký

kết. Riêng đối với các tiểu dự án khi thực hiện không có hợp đồng, ví dụ mua hàng hóa, thiết bị nhỏ..., phải căn cứ vào yêu cầu thanh toán của người cung cấp để tạm ứng tiền cho phù hợp, không tạm ứng quá yêu cầu thanh toán.

5.1.3. Tạm ứng tiền chi phí cho hoạt động quản lý hành chính: Tạm ứng tối đa 70% giá trị đã được phê duyệt theo kế hoạch.

5.2. Thủ tục tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động tại cấp xã

5.2.1. Để tạm ứng/thanh toán, Ban Phát triển xã gửi đề nghị tạm ứng/thanh toán và các hồ sơ như quy định tại mục 2 Phần này cho Kho bạc nhà nước huyện. Trong vòng 5 ngày làm việc, Kho bạc nhà nước huyện xem xét, thực hiện tạm ứng/thanh toán cho các hoạt động đủ điều kiện, từ tài khoản nguồn vốn cấp 2 của dự án mở tại Kho bạc nhà nước huyện.

5.2.2. Các khoản tạm ứng/thanh toán cho các nhà thầu/ đơn vị thi công có tài khoản được thanh toán theo hình thức chuyển khoản trực tiếp cho nhà thầu. Các khoản tạm ứng/thanh toán cho nhà thầu/đơn vị thi công không có tài khoản được thanh toán thông qua Ban Phát triển xã.

(Xem sơ đồ tại Phụ lục 3).

6. Sau khi tạm ứng/thanh toán từ tài khoản nguồn vốn cấp 1 hoặc tài khoản nguồn vốn cấp 2 cho các hoạt động chi tiêu của Dự án, Kho bạc nhà nước tỉnh

hoặc huyện nơi cấp vốn thông báo cho Ban Phối hợp thực thi dự án đồng cấp để thực hiện các thủ tục hạch toán, kế toán cho dự án. Trường hợp thanh toán cho các hoạt động tại cấp xã, Kho bạc nhà nước huyện đồng gửi thông báo cho Ban Phát triển xã.

7. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, Ban Phối hợp thực thi dự án huyện và Ban Phát triển xã phải mở tài khoản hạch toán, theo dõi các khoản chi tiêu của dự án để phản ánh đầy đủ giao dịch tài chính của dự án theo từng nguồn vốn, thời kỳ, và chi tiết theo từng hoạt động.

II.6. Cấp phát, thanh toán bằng vốn đối ứng

Vốn đối ứng của Dự án được bố trí trong ngân sách tỉnh. Căn cứ kế hoạch công tác và ngân sách của Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán ngân sách được giao, nhu cầu chi theo quý (chi tiết theo tháng), Sở Tài chính cấp vốn vào tài khoản nguồn vốn của Dự án tại Kho bạc nhà nước tỉnh. Kho bạc nhà nước tỉnh kiểm soát chi theo quy định hiện hành.

II.7. Trách nhiệm của các đơn vị cấp tỉnh trong việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phê duyệt kế hoạch công tác và ngân sách hàng năm của Dự án, để tổng hợp vào dự toán ngân sách chung của tỉnh, quản lý toàn diện và điều phối thực hiện dự án tại địa phương.

2. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh:

- Lập kế hoạch công tác và ngân sách hàng năm, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức thực hiện theo kế hoạch được duyệt và quyết toán vốn thực hiện dự án, đảm bảo mọi chi tiêu cho dự án phù hợp với quy định tại các Hiệp định vay và viện trợ, các văn kiện dự án, và các quy định hiện hành của Chính phủ.

- Quản lý và sử dụng vốn vay theo đúng chế độ tài chính hiện hành. Đối với những khoản chi mang tính chất xây dựng cơ bản thì quản lý theo chế độ quản lý vốn xây dựng cơ bản hiện hành và phù hợp với những quy định tại các Hiệp định vay và viện trợ và các văn kiện dự án; các khoản chi tiêu khác quản lý theo chế độ quản lý vốn ODA.

- Đối với vốn viện trợ của SIDA, lập giấy xác nhận viện trợ để làm căn cứ ghi thu ghi chi cho dự án.

- Hàng quý báo cáo tình hình sử dụng các nguồn vốn và tiến độ thực hiện cho Ban Chỉ đạo dự án, Kho bạc nhà nước và Sở Tài chính tỉnh; lập báo cáo quyết toán vốn thực hiện hàng năm và báo cáo dự án hoàn thành (chi tiết theo nguồn vốn và hoạt động) trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính:

- Tham gia điều phối dự án, giúp Ban Chỉ đạo dự án theo dõi việc thực hiện kế hoạch công tác và ngân sách được duyệt.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra thực hiện dự án theo đúng chức năng.

- Căn cứ kế hoạch công tác và ngân sách của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng quý chuyển vốn đối ứng vào tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án để Kho bạc nhà nước tỉnh quản lý, cấp phát cho dự án theo tiến độ rút vốn vay.

- Thực hiện hạch toán ngân sách tỉnh nguồn vốn vay IFAD được Ngân sách Trung ương trợ cấp có mục tiêu cho Ngân sách tỉnh để thực hiện dự án.

- Thẩm tra các báo cáo quý và năm, thông báo quyết toán năm theo đúng quy định hiện hành.

- Cuối năm, tổng hợp báo cáo quyết toán được duyệt của dự án vào quyết toán Ngân sách địa phương theo luật ngân sách nhà nước; gửi báo cáo quyết toán được duyệt của dự án cho Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ Tài chính Đối ngoại, Kho bạc nhà nước) để theo dõi.

4. Kho bạc nhà nước tỉnh và huyện:

- Thực hiện mở Tài khoản nguồn vốn cấp 1 (Kho bạc nhà nước tỉnh) và các tài khoản nguồn vốn cấp 2 (Kho bạc nhà nước huyện) cho Dự án.

- Tiếp nhận nguồn vốn IFAD và vốn đối ứng cho dự án để cấp phát và kiểm soát chi theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác hiện hành.

- Hàng tháng lập sao kê tài khoản nguồn vốn cấp 1 (Kho bạc nhà nước tỉnh) và các tài khoản nguồn vốn cấp 2 (Kho

bạc nhà nước huyện), phản ánh các giao dịch từ tài khoản, số dư tài khoản, đối chiếu với Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh, huyện, và Ban Phát triển xã.

- Kho bạc nhà nước tỉnh hàng quý lập báo cáo tình hình thẩm định, phê duyệt, cấp phát, sử dụng vốn vay và vốn đối ứng của dự án gửi Bộ Tài chính (Kho bạc nhà nước và Vụ Tài chính đối ngoại).

- Tổ chức hạch toán, kế toán, thống kê các nguồn vốn của dự án. Đối với khoản đóng góp của người hưởng lợi từ Dự án, Kho bạc nhà nước hạch toán vào tài khoản nguồn vốn chung (nếu có đóng góp bằng tiền) của Dự án.

- Phối hợp với Sở Tài chính thẩm tra quyết toán và báo cáo quyết toán quý năm. Kiểm tra tiến độ thực hiện dự án.

II.8. Trách nhiệm các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và Ngân hàng Phục vụ Dự án

1. Vụ Tài chính Đối ngoại:

- Theo dõi chung tiến độ thực hiện dự án

- Thực hiện mở Tài khoản đặc biệt cho dự án. Kiểm tra hồ sơ rút vốn và ký đơn rút vốn để giải ngân vốn vay từ IFAD về Tài khoản đặc biệt. Thực hiện chuyển tiền tạm ứng từ Tài khoản đặc biệt về Tài khoản nguồn vốn cấp 1 theo đề nghị hợp lệ của Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh.

- Kiểm tra, tổng hợp để lập kế hoạch vay, trả nợ hàng năm cho dự án.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Tài chính giải quyết các vướng mắc (nếu có) liên quan đến cơ chế tài chính của dự án.

2. Vụ Ngân sách nhà nước:

- Thực hiện hạch toán thu chi vốn vay IFAD, vốn viện trợ SIDA vào ngân sách nhà nước và ghi chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Tuyên Quang để thực hiện dự án, trên cơ sở thông tri do Vụ Tài chính Đối ngoại lập.

- Phối hợp cùng Vụ Tài chính Đối ngoại lên kế hoạch trả nợ hàng năm cho IFAD.

3. Kho bạc nhà nước:

- Thực hiện ghi thu ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển đổi ngoại tệ, ghi chi Ngân sách Trung ương khi chuyển tiền vào tài khoản nguồn vốn của dự án tại Kho bạc nhà nước tỉnh khi có lệnh chi của Bộ Tài chính (Vụ Ngân sách Nhà nước).

- Chỉ đạo, hướng dẫn Kho bạc nhà nước tỉnh nghiệp vụ quản lý, kiểm soát chi và cấp phát vốn cho dự án theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác hiện hành.

4. Ngân hàng Phục vụ Dự án:

- Theo dõi việc rút vốn IFAD về Tài khoản đặc biệt và các giao dịch từ tài khoản này.

- Sau mỗi lần rút ngoại tệ từ Tài khoản đặc biệt theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại), Ngân

hàng Phục vụ Dự án gửi thông báo cho Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Kho bạc nhà nước) về ngày hành tự, số tiền và tỉ giá chuyển đổi để làm căn cứ ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước.

- Hàng năm và hàng quý (vào ngày mùng 5 tháng đầu của quý sau), Ngân hàng Phục vụ Dự án lập sao kê chi tiết tài khoản đặc biệt, ghi rõ nội dung chi, ngày chi trả, số tiền thanh toán, số tiền VNĐ tương đương và tỉ giá chuyển đổi gửi Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Kho bạc nhà nước). Bảng sao kê cần phản ánh số dư tài khoản đầu kỳ và cuối kỳ, và số lãi phát sinh trên Tài khoản đặc biệt trong kỳ.

- Trong vòng một tháng kể từ khi đóng Tài khoản đặc biệt của dự án, chuyển trả số lãi phát sinh còn dư trên Tài khoản đặc biệt theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn về cho Bộ Tài chính (vào tài khoản Quỹ Ngoại tệ Tập trung của Bộ Tài chính tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; tài khoản số 212.210.371.000 hoặc một tài khoản khác do Bộ Tài chính thông báo).

- Được hưởng phí dịch vụ theo quy định hiện hành. Khoản phí này được tính vào tổng chi phí của dự án.

II.9. Hạch toán ngân sách nhà nước đối với vốn IFAD

1. Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Vụ Ngân sách Nhà nước) thực hiện hạch toán ghi thu vào Ngân sách Trung ương vốn vay IFAD, vốn viện trợ,

đồng thời ghi chi ngân sách Trung ương để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Tuyên Quang khi làm thủ tục chuyển tiền từ Tài khoản đặc biệt về Tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án.

2. Sở Tài chính căn cứ giấy báo có và báo nợ của Kho bạc nhà nước, ghi thu bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, đồng thời ghi chi chuyển nguồn vốn đầu tư vào Tài khoản nguồn vốn cấp 1 cho dự án để Kho bạc nhà nước tỉnh thanh toán, và giám sát chi cho dự án.

II.10. Báo cáo, kiểm tra, kiểm toán

1. Hàng quý, năm Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài chính (Vụ Tài chính Đối ngoại, Vụ Ngân sách Nhà nước) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình sử dụng vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng cho Dự án. Ban Phối hợp thực thi dự án tỉnh có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán quý, năm, gửi Kho bạc nhà nước tỉnh và Sở Tài chính thẩm tra. Sau đó Sở tài chính ra thông báo phê duyệt quyết toán năm theo quy định hiện hành.

2. Ban Phối hợp thực thi dự án huyện hướng dẫn cho Ban Phát triển xã lập Báo cáo quyết toán từng tiểu dự án cụ thể theo quy định tại Thông tư số 49/2001/TT-BTC ngày 26/6/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc xã, thị trấn quản lý. Báo cáo quyết toán được Phòng Tài chính và Kế hoạch huyện thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ký Quyết định

phê duyệt. Thời gian thẩm định một Báo cáo quyết toán tiểu dự án không quá 15 ngày làm việc.

3. Định kỳ và đột xuất, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra tình hình thực hiện dự án, việc sử dụng các nguồn vốn của dự án. Nếu phát hiện trường hợp sử dụng vốn không đúng quy định, Bộ Tài chính sẽ đình chỉ chuyển vốn để xử lý vi phạm.

4. Hàng năm Tài khoản đặc biệt, các tài khoản nguồn vốn của dự án, sổ sách, hồ sơ kế toán của dự án phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập phù hợp với các quy định của Nhà nước và của nhà tài trợ. Đề cương kiểm toán phải có ý kiến nhất trí của Bộ Tài chính. Báo cáo quyết toán, báo cáo kiểm toán được gửi cho Bộ Tài chính và là căn cứ xem xét việc bổ sung Tài khoản đặc biệt hay chuyển vốn xuống Tài khoản nguồn vốn cấp 1 của dự án, đồng thời là cơ sở đánh giá việc thực hiện dự án.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan cần phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

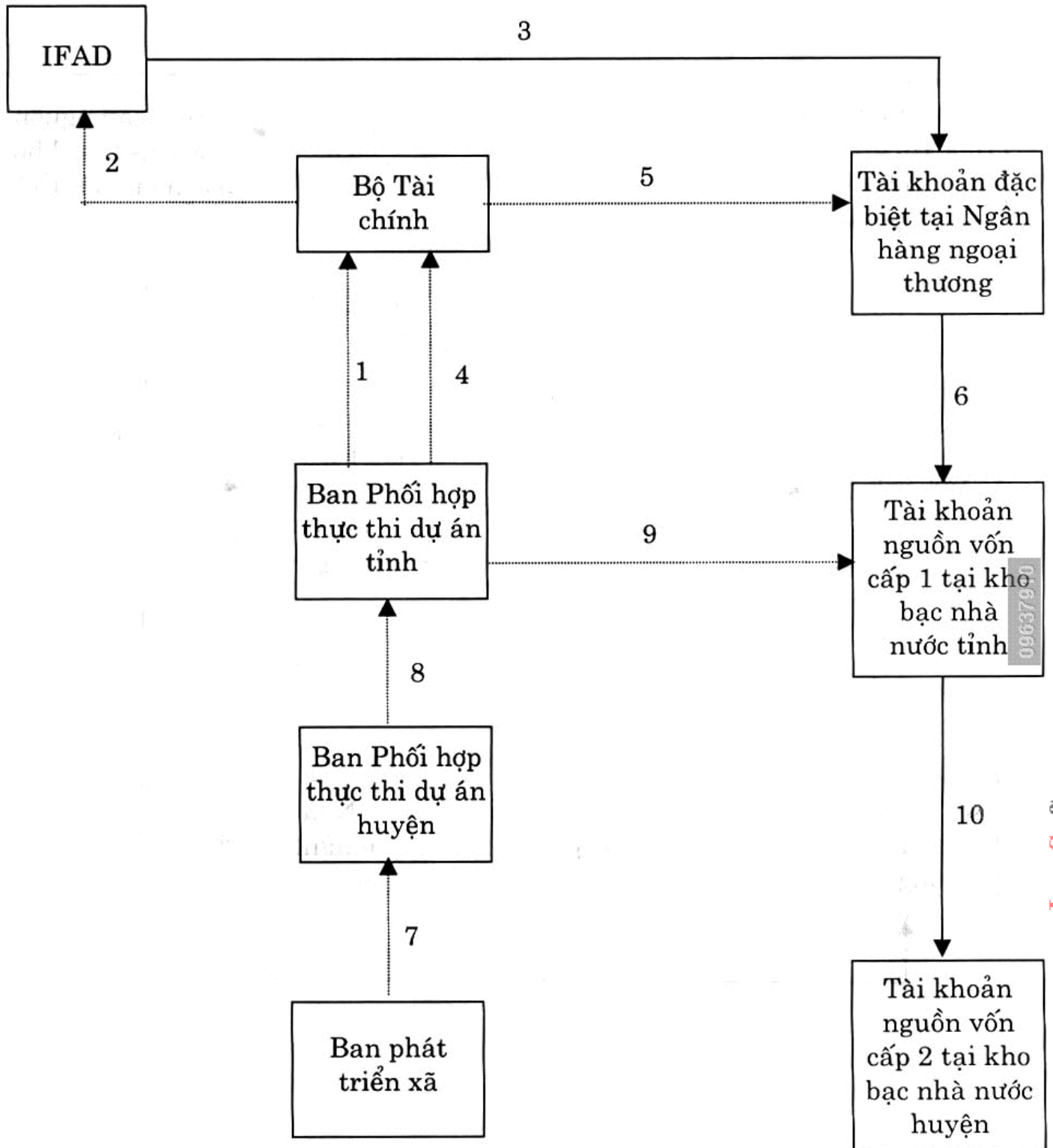
KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Lê Thị Băng Tâm

Phụ lục 1

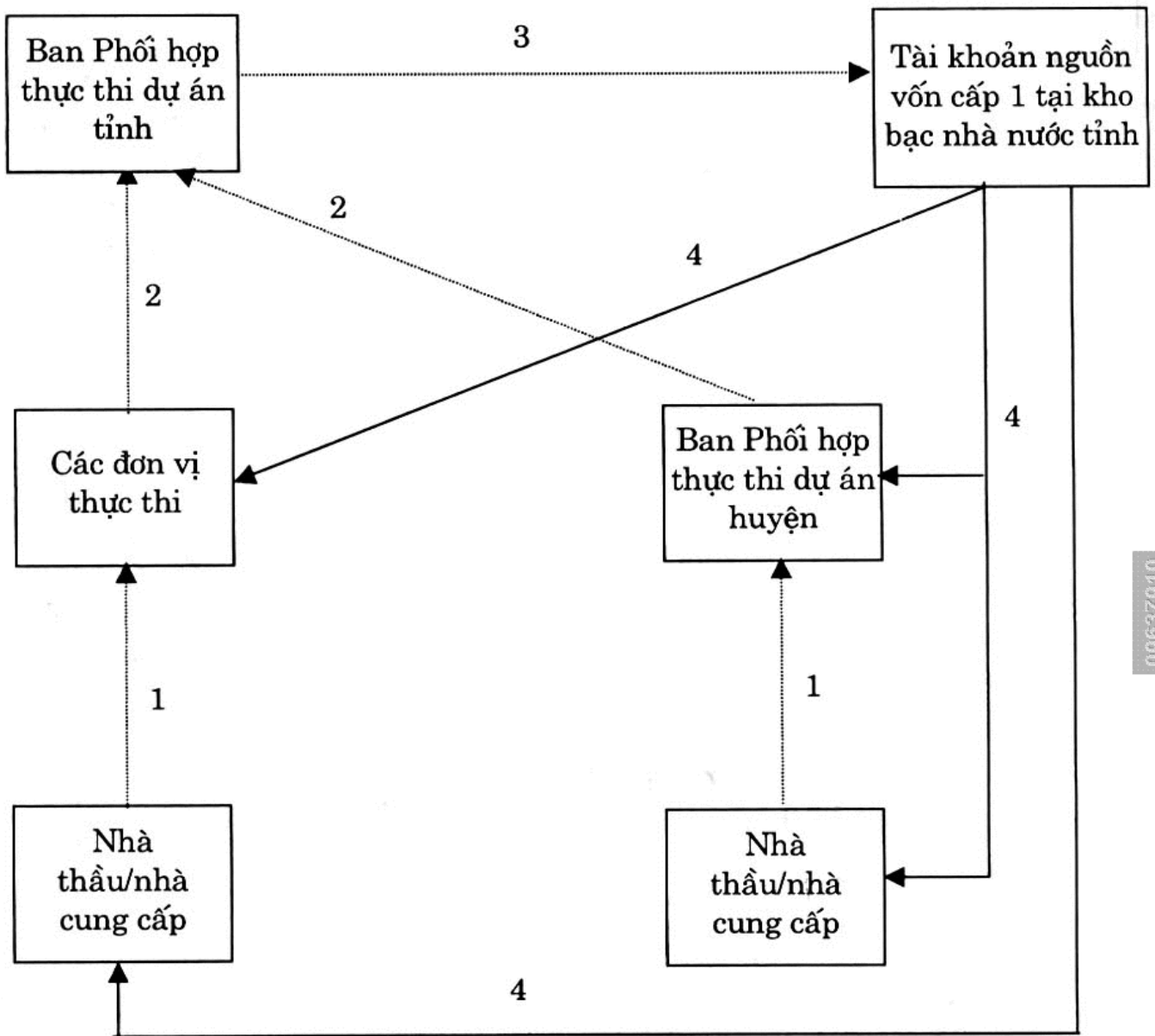
Chuyển vốn về Tài khoản đặc biệt và các Tài khoản nguồn vốn



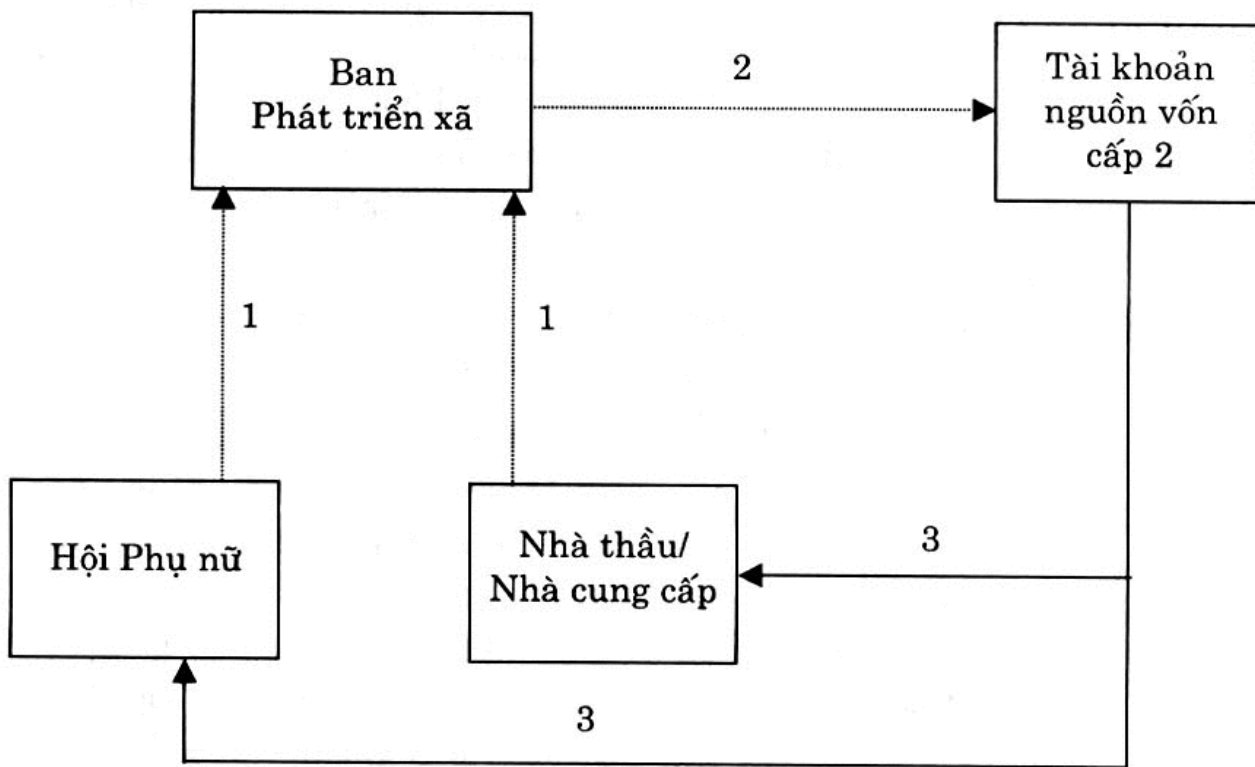
-----> Luồng tài liệu
-----> Luồng chuyển vốn

Phụ lục 2

Tạm ứng/Thanh toán cho chi tiêu cấp tỉnh, huyện



.....> Luồng tài liệu
 —————> Luồng chuyển vốn

Phụ lục 3**Tạm ứng/Thanh toán cho chi tiêu cấp xã**

-----> Luồng tài liệu
—————> Luồng chuyển vốn